

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HS-PT

Ngày: 27/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Cường

ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kontum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Y N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HSST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kontum.

Bị cáo có kháng cáo:

Y N, giới tính: nữ; sinh ngày 13/10/1984 tại tỉnh Kontum; Nơi cư trú: thành phố K, tỉnh Kontum; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Dân tộc: Rơ Ngao; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Na R (đã chết) và bà Y S; Có chồng A M đã ly hôn và có 02 con hiện nay đang sống với cha; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2021, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Đinh Văn H, luật sư - Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kontum; Địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kontum, bào chữa cho bị cáo Y N theo yêu cầu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì cần tiền để trả nợ các khoản vay và tiêu xài cá nhân, từ năm 2014 đến năm 2016, Y N đã đưa ra thông tin gian dối cần chuyển nhượng các lô đất đã được mẹ là bà Y S cho. Y N đã lên lấy giấy tờ của bà Y S làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của hai bị hại với tổng số tiền là 788.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 07/2014, Y N nhờ Y B tìm giúp người có nhu cầu mua đất tại đường Đ (19m x 37m), Y B giới thiệu bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà L đồng ý mua 500.000.000 đồng nhưng phải có sổ đỏ. Y B nói với Y N đất có sổ đỏ mới bán được giá nhưng do Y N không biết các thủ tục nên thống nhất cho Y B 25.000.000 đồng chi phí làm thủ tục, đi lại và nộp thuế tự ứng tiền sau khi bán được đất sẽ trả cho Y B. Y N đã lên lấy sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà Y S, cùng với Y B đến gặp địa chính phường để được hướng dẫn làm thủ tục, Y N tự ý giả chữ ký bà Y S vào các giấy tờ liên quan đến việc làm thủ tục cấp đất, ngày 05/02/2015 được UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 715128, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 58, tên là bà Y S. Ngày 07/02/2015, Y N tiếp tục làm Biên bản họp gia đình, tự ký tên của bà Y S, A T (*anh trai Y N*), Y T (*chị gái Y N*) và Y N, nội dung thể hiện các thành viên trong gia đình đồng ý để bà Y S bán một phần diện tích thửa đất trên để lấy tiền phát triển sản xuất. Sau đó, đưa Biên bản họp cho Y B đến thôn phó ký xác nhận và UBND phường T gặp ông A D - Phó Chủ tịch ký xác nhận.

Ngày 12/02/2015, Y N mang chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Y S, cùng với Y B, dẫn theo bà Y T1 đóng giả làm mẹ đến Phòng công chứng số 2, thành phố K để ký tên, điền chỉ Y S vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bán cho bà Nguyễn Thị Ngọc L. Sau đó, Y B trực tiếp nhận số tiền là 500.000.000 đồng từ bà L và đưa cho Y N 475.000.000 đồng, còn giữ lại 25.000.000 đồng theo thỏa thuận. Bà L không biết được việc Y N lên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhờ Y T1 đóng giả bà Y S để thực hiện chuyển nhượng đất cho mình. Y N đã dùng 475.000.000 đồng để trả nợ và dùng vào mục đích cá nhân.

Kết luận giám định số 23/GĐTP-2018 ngày 09/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kontum xác định: Dấu vân tay trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên Y S và dấu vân tay thu giữ của bà Y T1 là của cùng một người. Đồng thời, Kết luận giám định số 29/GĐTP-2017 ngày 13/10/2017 xác định chữ ký đề tên Y S tại Biên bản họp mặt gia đình và cam kết đề ngày 07/02/2015 không phải là chữ ký của bà Y S.

Vụ thứ hai: Vào khoảng thời gian từ cuối năm 2015 đến đầu năm 2016, do Y N cầm cố tài sản (xe mô tô, giấy CNQSDĐ) để vay tiền của nhiều người. Y N nhờ bà Nguyễn Thị L trả tiền để chuộc và nói với bà L được mẹ là Y S cho thừa đất của gia đình tại thôn L II, phường T, thành phố K và đặt vấn đề chuyển nhượng thừa đất này cho bà L để cần nợ. Bà L đồng ý và thỏa thuận khi chuyển nhượng đất xong sẽ thế chấp ngân hàng vay tiền trả cho Y N số tiền còn lại sau khi cân đối nợ.

Y N về nhà lén lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Chứng minh nhân dân đều mang tên Y S, sổ hộ khẩu gia đình; làm giả Biên bản họp gia đình. Y N ký giả chữ ký của bà Y S, A T, Y T sau đó đưa cho ông A B là thôn phó thôn L II và UBND T ký xác nhận.

Ngày 29/01/2016, Y N mang chứng minh nhân dân của bà Y S, sổ hộ khẩu của gia đình và nhờ bà H (*đã mất năm 2019*) đến Phòng công chứng số 1, thành phố K đóng giả làm bà Y S để ký tên và điểm chỉ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L. Sau khi chuyển nhượng xong, năm 2016 bà L đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay Ngân hàng V - chi nhánh K, số tiền 500.000.000 đồng, bà L trừ nợ 248.000.000 đồng và đưa thêm cho Y N số tiền 40.000.000 đồng sử dụng và tiêu dùng cá nhân. Y N chiếm đoạt của bà L số tiền 288.000.000 đồng.

Ngoài ra, năm 2017 bà L tất toán nợ từ Ngân hàng V chuyển sang Ngân hàng Đông Á, thế chấp vay 01 tỷ, do không trả được nợ, năm 2018 Ngân hàng kiện bà L, Tòa án công nhận sự thỏa thuận của đương sự, nếu không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp. Quá trình Cơ quan Thi hành án xác minh để kê biên tài sản bà Y S phát hiện sự việc nên làm đơn tố cáo.

Tại Kết luận giám định số 166/KLGD-PC09 ngày 01/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kontum xác định: Dấu vân tay in trên Giấy thỏa thuận và cam kết lập ngày 28/5/2018 không phải của Y S.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2022/HSST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kontum đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Y N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Y N 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/5/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/12/2022, bị cáo Y N có đơn kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xử mức án quá cao, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Y N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo Y N nhất trí về phần tội danh và khung hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng để xét xử đối với bị cáo Y N. Luật sư cho rằng khi giao dịch bị hại biết đất không phải của bị cáo nên cũng có phần lỗi, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y N giảm cho bị cáo Y N một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án; Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Y N khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2014 đến năm 2016, vì cần tiền để trả các khoản vay và tiêu xài cá nhân, Y N đã đưa ra thông tin gian dối là cần chuyển nhượng các lô đất được mẹ là bà Y S cho. Y N đã lén lấy giấy tờ của bà Y S, làm giả Biên bản họp gia đình để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nhờ bà Y T1 và bà H đóng giả bà Y S để ký và điểm chỉ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bán cho các bị hại và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc L 500.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị L 288.000.000 đồng, tổng cộng 788.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Y N đã bị Toà án nhân dân tỉnh Kontum xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ hai lần trở lên” và tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải xử phạt Y N 14 năm tù. Bản án sơ thẩm chưa xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo Y N hiện có hai con còn nhỏ, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Hơn nữa số tiền bị cáo Y N chiếm đoạt của bị hại là 788.000.000 đồng trên mức khởi điểm không nhiều nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y N, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Y N một phần hình phạt.

[2] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Y N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y N, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Y N 13 (Mười ba) năm tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.
Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2021.

2. Về án phí: Bị cáo Y N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kontum (03);
- VKSND tỉnh Kontum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kontum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kontum;
- Công an tỉnh Kontum (03);
- TTG Công an tỉnh Kontum (02);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kontum
(thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm